

Bản án số: 33/2021/DSPT

Ngày: 27/01/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm

Ông Võ Công Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:*** Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T (Ng); cư trú tại: Đội 5, khu vực C, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Trương Thị T1; cư trú tại: Thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Phạm Văn A; Cư trú tại: Đội 5, khu vực C, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Trương Thị T1 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Cuối năm 2018 bà cho bà Trương Thị T1 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 111.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, mục đích vay để mua bán bột, lá bồ hòn làm nhang (huong), mỗi lần vay đều viết giấy nợ, cụ thể như sau:

Ngày 24/11/2018 âm lịch (AL), vay 20.000.000 đồng;

Ngày 30/11/2018 AL, vay 30.000.000 đồng;

Ngày 15/12/2018 AL, vay 10.000.000 đồng;

Ngày 21/12/2018 AL, lần đầu vay 5.000.000 đồng, lần sau vay 36.000.000 đồng;

Ngày 24/12/2018 AL, vay 10.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2019 AL, bà T1 trả cho bà 20.000.000 đồng cho khoản vay 36.000.000 đồng sau đó bà T1 không trả nữa. Bà yêu cầu bà T1 phải trả cho bà 91.000.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn Trương Thị T1 trình bày:

Tính đến ngày 24/12/2018 AL, bà vay của bà Nguyễn Thị Thanh T 111.000.000 đồng. Hình thức vay trả góp, cụ thể:

Ngày 24/11/2018 (AL), vay 20.000.000 đồng nhưng đã trừ lãi 6.000.000 đồng nên số tiền thực nhận là 14.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng trong thời hạn 49 ngày, bà đã trả 19.600.000 đồng.

Ngày 30/11/2018 AL, vay 30.000.000 đồng nhưng đã trừ lãi 9.000.000 đồng nên số tiền thực nhận là 21.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng trong thời hạn 44 ngày, bà đã trả 26.400.000 đồng.

Ngày 15/12/2018 AL, vay 10.000.000 đồng nhưng đã trừ lãi 4.000.000 đồng nên số tiền thực nhận là 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng trong thời hạn 47 ngày, bà đã trả 9.400.000 đồng.

Ngày 21/12/2018 AL, lần đầu vay 5.000.000 đồng, trừ lãi trước 1.500.000 đồng, số tiền bà thực nhận 3.500.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trong thời hạn 42 ngày tổng cộng là 4.200.000 đồng. Khoản vay 36.000.000 đồng cùng ngày trừ trước 16.000.000 đồng tiền lãi nên bà chỉ thực nhận 20.000.000 đồng. Ngày 04/9/2019 AL bà đã trả được 20.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2018 AL, vay 10.000.000 đồng nhưng trừ trước 3.000.000 đồng, bà thực nhận 7.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng trong thời hạn 38 ngày tổng cộng là 7.600.000 đồng.

Như vậy, bà đã trả được 87.200.000 đồng trong số tiền 111.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ bà T 23.800.000 đồng hẹn đến tháng 12/2019 AL bà sẽ trả hết nợ cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn A trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Thanh T. Số tiền 111.000.000 đồng bà T cho bà Trương Thị T1 vay là tài sản chung của ông và bà T, ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T.

Bản án số 04/2020/DS-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xử:

1. Xác định bà Trương Thị T1 còn nợ của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Phạm Văn A 91.000.000 đồng (nợ gốc). Buộc bà T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T ông Phạm Văn A 91.000.000 đồng.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Phạm Văn A đòi bà T1 phải trả lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 16/11/2020, bị đơn bà Trương Thị T1 kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T 91.000.000 đồng. Bà xác nhận chỉ còn nợ bà T 3.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị T1 thừa nhận trong năm 2018 có vay của bà Nguyễn Thị Thanh T1 tổng số tiền 111.000.000 đồng thông qua 06 giấy nợ nhưng bà đã trả cho bà T 87.200.000 đồng chỉ còn nợ 23.800.000 đồng. Sau khi tòa án cấp sơ thẩm làm việc (ngày 04/9/2019 âm lịch), bà đã bán nhà và trả cho bà T 20.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà T 3.000.000 đồng; việc trả nợ cho bà T do bà trực tiếp trả góp hàng ngày, có khi bà nhờ chị Trương Thị T2 ở thôn N, xã N1, thị xã A hoặc chị Phạm Thị D ở số nhà 74/73 đường Đ, phường Đ1, thị xã An trả hộ. Tuy nhiên, lời khai của bà T1 không được bà T công nhận. Theo bà T, bà T1 mới trả cho bà 20.000.000 đồng còn nợ lại 91.000.000 đồng. Mặc dù cho rằng chỉ còn nợ bà T 3.000.000 đồng nhưng bà T1 không chứng minh được do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T1 phải trả cho bà T 91.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bà T1 cho rằng chỉ còn nợ bà T 3.000.000 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Trương Thị T1 phải chịu 300.000 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc bà Trương Thị T1 phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T ông Phạm Văn A 91.000.000 đồng (chín mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị T1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001451 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh